

Bản án số: 15/2019/HNGĐ – ST

Ngày: 29/10/2019

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH NHAI – THÁI NGUYÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Hoàng Kim Tuấn.

+ **Các Hội thẩm nhân dân:**

1 – Ông Lý Ba Duy.

2 – Ông Bùi Tiến Chung.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thịnh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V – Thái Nguyên tham gia phiên
tòa:** Bà Vũ Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh
Nhai, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2019/TLST -
HNGĐ ngày 26 tháng 08 năm 2019 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 15/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 04/10/2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Chị Mai Thị VG - Sinh năm 1982.**

Địa chỉ: MG – PT – V – Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Tự do.

(Có mặt)

***Bị đơn: Anh Hoàng Văn B – Sinh năm 1979.**

Địa chỉ: MG – PT – V – Thái Nguyên

Dân tộc: Tày; Văn hoá: 06/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Mai Thị
VG trình bày: Chị và anh B kết hôn với nhau năm 2002, có được tìm hiểu và đăng ký
kết hôn tại UBND xã PT, huyện V, Thái Nguyên. Quá trình chung sống anh chị có
02 con chung là cháu Hoàng Quang F2 – Sinh ngày 20/07/2002 và cháu Hoàng Thị
F1 – Sinh ngày 21/10/2006. Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung và
không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh chị không vay ai và cho ai vay.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Do không hợp nhau và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp được, anh chị đã không sống với nhau một thời gian khoảng 07 năm nay.

Nay chị yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh B.

Về con chung: Tùy nguyện vọng của các cháu.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa bị đơn anh Hoàng Văn B trình bày: Anh và chị VG kết hôn với nhau năm 2002, có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã PT, huyện V, Thái Nguyên. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Quang F2 – Sinh ngày 20/07/2002 và cháu Hoàng Thị F1 – Sinh ngày 21/10/2006. Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh chị không vay ai và cho ai vay.

Về nguyên nhân chị VG xin ly hôn anh không biết được.

Nay chị VG xin ly hôn anh không đồng ý.

Nếu Tòa án buộc anh chị ly hôn. Về con chung: Tùy nguyện vọng của các cháu. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án cụ thể:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị VG, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Hoàng Văn B.

-Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Mai Thị VG được ly hôn anh Hoàng Văn B.

-Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị F1 – Sinh ngày 21/10/2006 cho chị Mai Thị VG trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh B vì chị VG không yêu cầu.

Giao cháu Hoàng Quang F2 – Sinh ngày 20/07/2002 cho anh Hoàng Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị VG vì anh B không yêu cầu.

Anh B và chị VG có quyền đi lại thăm con chung.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết vì đương sự không có và không yêu cầu.

-Về án phí: Nguyên đơn chị Mai Thị VG phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn giữa chị Mai Thị VG và anh Hoàng Văn B.

[2] Về tư cách chủ thể: Chị Mai Thị VG khởi kiện xin ly hôn anh Hoàng Văn B nên chị Mai Thị VG là nguyên đơn, anh Hoàng Văn B là bị đơn trong vụ án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của chị VG: Cuộc hôn nhân giữa chị VG và anh B là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Theo chị VG do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp được và đã không sống với nhau được 07 năm nay. Căn cứ biên bản xác minh ngày 28/08/2019 của TAND huyện V tại địa phương, xác định quá trình chung sống chị VG và anh B có xảy ra mâu thuẫn, 05 năm trước chị VG có đi làm ăn ở nước ngoài và anh B, chị VG cũng sống ly thân từ đó. Xét cuộc hôn nhân giữa chị VG và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu buộc anh chị về đoàn tụ thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị VG.

[4] Về con chung: Anh B và chị VG có 02 con chung là cháu Hoàng Quang F2 – Sinh ngày 20/07/2002 và cháu Hoàng Thị F1 – Sinh ngày 21/10/2006. Chị VG và anh B đều có ý kiến tôn trọng nguyện vọng của các cháu. Căn cứ Biên bản lấy lời khai đối với cháu F2 và cháu F1 cùng ngày 26/8/2019 xác định nguyện vọng của cháu F2 ở với bố và nguyện vọng của cháu F1 ở với mẹ. Do vậy, căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Hoàng Quang F2 – Sinh ngày 20/07/2002 cho anh Hoàng Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị VG vì anh B không yêu cầu.

Giao cháu Hoàng Thị F1 – Sinh ngày 21/10/2006 cho chị Mai Thị VG trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh B vì chị VG không yêu cầu.

Chị VG và anh B cũng như các thành viên trong gia đình có các quyền và nghĩa vụ đối với cháu Vi, cháu F2 theo quy định.

[5] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Mai Thị VG phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định.

[7] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tại phiên tòa là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Mai Thị VG được ly hôn anh Hoàng Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Quang F2 – Sinh ngày 20/07/2002 cho anh Hoàng Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị VG vì anh B không yêu cầu.

Giao cháu Hoàng Thị F1 – Sinh ngày 21/10/2006 cho chị Mai Thị VG trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh B vì chị VG không yêu cầu.

Anh B và chị VG có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Anh B cũng như các thành viên trong gia đình không được cản trở chị VG thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu F2.

Chị VG cũng như các thành viên trong gia đình không được cản trở anh B thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu F1.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mai Thị VG phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị VG đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 0007424 ngày 26 tháng 08 năm 2019.

F2 hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, có mặt bị đơn. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND;
- UB xã;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Kim Tuấn